1. Candidates go online to complete their…. (Các thí sinh lên mạng để hoàn thành….)

=> initial application ( câu đầu tiên đoạn 2 )

1. Suitable candidates are then invited to come to a ….. (Sau đó, những ứng viên phù hợp sẽ được mời đến dự….)

=> Walk-in Day ( Câu 3 đoạn 2 )

1. After having satisfactorily completed a …, successful candidates will then go to an Assessment Centre ( Sau khi hoàn thành đạt yêu cầu …, các ứng viên thành công sẽ đến Trung tâm Đánh giá )

=> swimming test ( Câu 3 đoạn 3 )

1. Kiwi Air then asks for … and candidates are required to undergo a medical check. ( Kiwi Air sau đó yêu cầu … và ứng viên được yêu cầu phải trải qua một cuộc kiểm tra y tế. )

=> verbal references ( Câu cuối đoạn 3 )

1. If there is no immediate need for flight attendants, successful candidates are put into a … ( Nếu không có nhu cầu ngay tiếp viên hàng không, ứng viên trúng tuyển được đưa vào … )

=> Assessment Centre ( Câu 2 đoạn 4 )

1. When the need arises, these candidates will then be given a … after which they may be offered a job. ( Khi có nhu cầu, những ứng viên này sẽ được … sau đó họ có thể được mời làm việc. )

=> contacted ( Câu 3 đoạn 4 )

1. On starting the job, a 5-week training programme is given which includes how to look after passengers and what to do in an … ( Khi bắt đầu công việc, một chương trình đào tạo kéo dài 5 tuần sẽ được đưa ra bao gồm cách chăm sóc hành khách và phải làm gì trong … )

=> flight ( đoạn cuối )